

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
Căn cứ Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
Căn cứ Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 132/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;
Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

QUY ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này quy định về quản lý chất thải nguy hại, bao gồm:

1. Phân định, phân loại chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH).
2. Điều kiện hành nghề quản lý CTNH (sau đây viết tắt là QLCTNH); thủ tục lập hồ sơ, đăng ký chủ nguồn thải CTNH, cấp phép hành nghề, mã số QLCTNH; vận chuyển xuyên biên giới CTNH.
3. Kiểm tra, xác nhận việc thực hiện nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường (sau đây viết tắt là ĐTM) và các yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý CTNH do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến việc phát sinh CTNH, quản lý CTNH trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Thông tư này không áp dụng đối với chất thải phóng xạ; chất thải ở thể hơi và khí; nước thải phát sinh nội bộ trong khuôn viên của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được xử lý tại công trình xử lý nước thải của cơ sở hoặc khu đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản lý chất thải nguy hại là các hoạt động liên quan đến việc phòng ngừa, giảm thiểu, phân định, phân loại, tái sử dụng trực tiếp, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý CTNH.
2. Vận chuyển CTNH là quá trình chuyên chở CTNH từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo việc thu gom, đóng gói, bảo quản, lưu giữ tạm thời, trung chuyển, sơ chế CTNH.

3. Xử lý CTNH là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật nhằm biến đổi, loại bỏ, cách ly, tiêu huỷ hoặc phá huỷ tính chất, thành phần nguy hại của CTNH (kể cả việc tái chế, tận thu, thiêu đốt, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp) với mục đích cuối cùng là không gây tác động xấu đến môi trường và sức khoẻ con người.

4. Sơ chế CTNH là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật cơ-lý đơn thuần nhằm thay đổi tính chất vật lý như kích thước, độ ẩm, nhiệt độ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, xử lý hoặc nhằm phối trộn hoặc tách riêng các thành phần của CTNH cho phù hợp với các phương pháp xử lý khác nhau.

5. Đồng xử lý CTNH là việc kết hợp một quá trình sản xuất sẵn có để xử lý CTNH, trong đó CTNH được sử dụng làm nhiên liệu, nguyên vật liệu bổ sung cho quá trình sản xuất này.

6. Tái sử dụng trực tiếp CTNH là việc trực tiếp sử dụng lại các CTNH có nguồn gốc là các phương tiện, thiết bị, sản phẩm hoặc vật liệu, hoá chất đã qua sử dụng thuộc danh mục quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này theo đúng mục đích sử dụng ban đầu của phương tiện, thiết bị, sản phẩm hoặc vật liệu, hoá chất đó mà không qua bất kỳ khâu xử lý hay sơ chế nào.

7. Giấy phép QLCTNH là tên gọi chung cho các loại giấy phép sau:

a) Giấy phép hành nghề QLCTNH là Giấy phép được cấp cho dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định tại Thông tư này;

b) Giấy phép hành nghề vận chuyển CTNH là Giấy phép được cấp cho dịch vụ vận chuyển CTNH theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT);

c) Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu huỷ CTNH là Giấy phép được cấp cho dịch vụ xử lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.

8. Chủ nguồn thải CTNH là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH (sau đây gọi tắt là cơ sở phát sinh CTNH).

9. Chủ hành nghề QLCTNH là tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề QLCTNH để thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định tại Thông tư này.

10. Chủ vận chuyển CTNH là tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề vận chuyển CTNH còn giá trị sử dụng theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.

11. Chủ xử lý CTNH là tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu huỷ CTNH còn giá trị sử dụng theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.

12. Chủ tái sử dụng CTNH là tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH để tái sử dụng trực tiếp.

13. Đại lý vận chuyển CTNH là tổ chức, cá nhân được chủ hành nghề QLCTNH uỷ quyền hoặc hợp đồng để thực hiện hoạt động vận chuyển CTNH.

14. Cơ quan quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CQQLCNT) là cơ quan có thẩm quyền quản lý các chủ nguồn thải CTNH theo quy định.

15. Cơ quan cấp phép (sau đây viết tắt là CQCP) là tên gọi chung của các cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép QLCTNH.

16. Mã số QLCTNH là mã số được cấp kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải hoặc Giấy phép QLCTNH.

17. Địa bàn hoạt động là phạm vi địa lý cho phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH được ghi trong Giấy phép QLCTNH.

Điều 4. Thẩm quyền cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và cấp, thu hồi Giấy phép QLCTNH

1. CQQLCNT (Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Chi cục Bảo vệ môi trường được phân cấp) có thẩm quyền cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho các chủ nguồn thải CTNH có cơ sở phát sinh CTNH trong địa bàn tỉnh.

2. Tổng cục Môi trường có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép QLCTNH có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) trở lên.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (sau đây gọi chung là CQCP địa phương) có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép QLCTNH có địa bàn hoạt động trong tỉnh.

Điều 5. Phân định, phân loại CTNH

1. Việc phân định, phân loại CTNH được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về Ngưỡng chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (sau đây viết tắt là QCVN 07:2009/BTNMT).

2. Nguyên tắc phân định CTNH bao gồm:

- a) Xác định một chất thải là CTNH căn cứ vào quy định về ngưỡng CTNH;
- b) Hỗn hợp chất thải được phân định là CTNH khi có ít nhất một chất thải thành phần trong hỗn hợp chất thải là CTNH;
- c) Loại chất thải có khả năng là CTNH (ký hiệu *) quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này khi chưa phân định được là không nguy hại theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT thì phải quản lý theo quy định như đối với CTNH.

Điều 6. Việc sử dụng Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT

- 1. Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT tiếp tục được sử dụng trừ trường hợp phải cấp lại theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Thông tư này.
- 2. Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT trừ loại nêu tại Khoản 3 Điều này tiếp tục được sử dụng trong thời hạn hiệu lực ghi trên Giấy phép và được xác nhận gia hạn theo quy định tại Điều 21 Thông tư này nhưng không được cấp điều chỉnh.
- 3. Giấy phép QLCTNH đã được cấp cho chủ nguồn thải CTNH tự xử lý CTNH phát sinh nội bộ trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT bị huỷ bỏ sau khi chủ nguồn thải CTNH được cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 16 Thông tư này.

Điều 7. Thời gian và đơn vị tính số lượng CTNH

- 1. Thời gian được quy định trong Thông tư này theo tháng hoặc theo năm thì khoảng thời gian đó được tính theo tháng, năm dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.
- 2. Thời gian được quy định trong Thông tư này theo ngày thì khoảng thời gian đó được tính theo ngày làm việc, không bao gồm ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.
- 3. Số lượng CTNH được ghi trong tất cả các hồ sơ, giấy phép, báo cáo, chứng từ và các giấy tờ khác theo quy định tại Thông tư này thống nhất sử dụng đơn vị tính là kilôgam (kg).

Điều 8. Các vấn đề liên quan đến xác thực hồ sơ, giấy tờ, chữ ký và uỷ quyền đối với tổ chức, cá nhân thực hiện Thông tư này

- 1. Bản sao giấy tờ có dấu trong hồ sơ, kế hoạch và báo cáo lập theo quy định tại Thông tư này không yêu cầu chứng thực theo quy định của pháp luật nhưng phải được tổ chức, cá nhân đóng dấu giáp lai hoặc dấu treo vào từng trang bản sao để tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của bản sao trước khi nộp cơ quan có thẩm quyền.
- 2. Các hồ sơ, kế hoạch và báo cáo được lập theo quy định tại Thông tư này phải được tổ chức, cá nhân đóng dấu giáp lai hoặc đóng dấu treo vào từng trang để xác thực trước khi nộp cơ quan có thẩm quyền.
- 3. Trường hợp không có dấu pháp nhân thì khi ký hợp đồng theo quy định tại Thông tư này phải có chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.
- 4. Chủ nguồn thải CTNH, chủ hành nghề QLCTNH không được phép uỷ quyền cho các pháp nhân khác ngoài pháp nhân (nếu có) của cơ sở phát sinh CTNH hoặc cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH ghi trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH hoặc Giấy phép QLCTNH để ký, đóng dấu các hồ sơ, hợp đồng, chứng từ, kế hoạch, báo cáo lập theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Điều 9. Nội dung và trường hợp yêu cầu điều kiện hành nghề QLCTNH

- 1. Điều kiện hành nghề QLCTNH để được cấp phép theo quy định tại Thông tư này bao gồm các nội dung chính sau:
 - a) Các điều kiện về cơ sở pháp lý;
 - b) Các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật;

- c) Các điều kiện về nhân lực;
- d) Các điều kiện liên quan đến công tác quản lý;
- đ) Các điều kiện khác.

2. Điều kiện hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này yêu cầu đối với các trường hợp sau:

- a) Các tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề QLCTNH (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện hành nghề QLCTNH để được cấp phép theo quy định tại Thông tư này;
- b) Các chủ hành nghề QLCTNH sau khi được cấp phép theo quy định tại Thông tư này phải đáp ứng các điều kiện có lộ trình thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 11 Thông tư này;
- c) Các chủ vận chuyển CTNH đã được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT phải đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc vận chuyển CTNH (bao gồm bao bì chuyên dụng, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trung chuyển, phương tiện vận chuyển) theo quy định tại Khoản 1 và 4 Điều 11 Thông tư này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực; đáp ứng điều kiện có lộ trình thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 11 Thông tư này;
- d) Các chủ xử lý CTNH đã được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT phải đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc xử lý CTNH (bao gồm khu vực lưu giữ tạm thời, hệ thống hoặc thiết bị sơ chế, xử lý CTNH), công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1, 4 và 5 Điều 11 Thông tư này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Điều kiện hành nghề QLCTNH và Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này không yêu cầu đối với các trường hợp sau:

- a) Vận chuyển xuyên biên giới CTNH;
- b) Tái sử dụng trực tiếp CTNH;
- c) Sử dụng công trình bảo vệ môi trường chỉ nhằm mục đích tự xử lý CTNH phát sinh nội bộ trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH nơi có công trình này. Công suất của các công trình này phải phù hợp với số lượng CTNH phát sinh nội bộ dự kiến tự xử lý. Việc thay đổi, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của cơ quan đã phê duyệt hoặc xác nhận báo cáo ĐTM, Bản cam kết bảo vệ môi trường (BVMT) hay Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (trước đây) hoặc Đề án BVMT đối với dự án đầu tư cơ sở phát sinh CTNH nêu trên;
- d) Nghiên cứu và phát triển công nghệ xử lý CTNH trong môi trường thí nghiệm. Trường hợp có nhu cầu tiếp nhận CTNH để thử nghiệm, đánh giá công nghệ đang được nghiên cứu và phát triển thì phải lập kế hoạch vận hành thử nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (C) kèm theo Thông tư này gửi Tổng cục Môi trường để xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thử nghiệm.

Điều 10. Các điều kiện về cơ sở pháp lý

- 1. Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh phù hợp trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ tương đương.
- 2. Có báo cáo ĐTM được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý CTNH hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế như sau:
 - a) Văn bản hợp lệ về môi trường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;
 - b) Đề án BVMT được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động;
 - c) Đối với cơ sở sản xuất đã đưa vào hoạt động có nhu cầu bổ sung hoạt động đồng xử lý CTNH mà không thay đổi quy mô, công suất hoặc công nghệ thì phải có văn bản chấp thuận phương án đồng xử lý CTNH của cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt hoặc xác nhận Báo cáo ĐTM, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (trước đây) hoặc Đề án BVMT đối với dự án đầu tư cơ sở sản xuất này.
- 3. Có Bản cam kết BVMT được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho dự án đầu tư các hạng mục công trình phục vụ hoạt động vận chuyển CTNH tại đại lý vận chuyển CTNH (nếu có) trong trường hợp các hồ sơ, giấy tờ nêu tại Khoản 2 Điều này chưa bao gồm các hạng mục đó.
- 4. Cơ sở xử lý CTNH phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt hoặc được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) cấp tỉnh chấp thuận về địa điểm bằng văn bản.

Điều 11. Các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật

1. Các phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc hành nghề QLCTNH bao gồm bao bì chuyên dụng, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trung chuyển, phương tiện vận chuyển, hệ thống hoặc thiết bị sơ chế, xử lý CTNH phải đạt các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này.

2. Số lượng phương tiện vận chuyển CTNH được quy định như sau:

a) Trường hợp địa bàn hoạt động chỉ trong một tỉnh, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 có ít nhất 01 (một) phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu chính thức của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề, đại lý vận chuyển CTNH, lãnh đạo hoặc cá nhân khác có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ tương đương, hoặc phương tiện vận chuyển được góp vốn chính thức theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là phương tiện vận chuyển chính chủ);

b) Trường hợp địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 có ít nhất 03 (ba) phương tiện vận chuyển chính chủ;

c) Trường hợp địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên trong một vùng và đăng ký vận chuyển, xử lý không dưới hai nhóm CTNH có tính chất, phương án xử lý khác nhau, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 có ít nhất 05 (năm) phương tiện vận chuyển chính chủ; trường hợp địa bàn hoạt động từ hai vùng trở lên và đăng ký vận chuyển, xử lý không dưới hai nhóm CTNH có tính chất, phương án xử lý khác nhau, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 có ít nhất 08 (tám) phương tiện vận chuyển chính chủ;

d) Tổng số lượng phương tiện vận chuyển không chính chủ không được vượt quá tổng số lượng phương tiện vận chuyển chính chủ trừ các phương tiện vận chuyển đường thủy, đường sắt. Phương tiện vận chuyển không chính chủ phải có hợp đồng dài hạn về việc bàn giao phương tiện để vận chuyển CTNH giữa tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề và chủ sở hữu của phương tiện đó.

3. Phương tiện vận chuyển CTNH có hệ thống định vị vệ tinh (GPS) được kết nối mạng thông tin trực tuyến để xác định vị trí và ghi lại hành trình vận chuyển CTNH theo lộ trình thực hiện như sau:

a) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, ít nhất 50% tổng số phương tiện vận chuyển có GPS;

b) Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012, toàn bộ phương tiện vận chuyển có GPS;

c) Trường hợp địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên thực hiện theo quy định tại Điểm a và b Khoản này;

d) Trường hợp địa bàn hoạt động chỉ trong một tỉnh, việc trang bị GPS cho các phương tiện vận chuyển theo yêu cầu của CQCP địa phương.

4. Một phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc hành nghề QLCTNH chỉ được đăng ký cho một Giấy phép QLCTNH.

5. Có các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này để kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường tại cơ sở xử lý CTNH và đại lý vận chuyển CTNH (nếu có).

Điều 12. Các điều kiện về nhân lực

1. 01 (một) cơ sở xử lý CTNH có ít nhất 02 (hai) người đảm nhiệm việc quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến hóa học hoặc môi trường.

2. 01 (một) đại lý vận chuyển CTNH có ít nhất 01 (một) người đảm nhiệm việc quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến hóa học hoặc môi trường.

3. Người nêu tại Khoản 1 và 2 Điều này phải được đóng bảo hiểm xã hội, y tế theo quy định của pháp luật; có hợp đồng lao động dài hạn trong trường hợp không có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy tờ tương đương) hoặc không thuộc ban lãnh đạo hoặc biên chế của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề.

4. Có đội ngũ vận hành và lái xe được đào tạo, tập huấn bảo đảm vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị; đội trưởng đội ngũ vận hành có trình độ từ trung cấp kỹ thuật trở lên hoặc do người quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này kiêm nhiệm.

Điều 13. Các điều kiện liên quan đến công tác quản lý

1. Có quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng.

2. Có các kế hoạch sau:

- a) Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường;
- b) Kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe;
- c) Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố;
- d) Kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm;
- đ) Kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động.

3. Có chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH.

4. Lắp đặt các bản hướng dẫn dạng rút gọn hoặc dạng sơ đồ kèm theo các quy trình, kế hoạch quy định tại Khoản 1, Điểm a, b, c Khoản 2 Điều này ở vị trí phù hợp và với kích thước thuận tiện quan sát trên phương tiện vận chuyển, trong cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH.

Điều 14. Các điều kiện khác

1. Có ít nhất một cơ sở xử lý CTNH. Đối với 01 (một) cơ sở xử lý CTNH, không thành lập quá 05 (năm) đại lý vận chuyển CTNH trừ các trường hợp sau:

a) Đại lý chỉ thực hiện vận chuyển CTNH cho các chủ nguồn thải CTNH trong cùng một tập đoàn, tổng công ty, nhóm doanh nghiệp có chung cổ đông sáng lập hoặc có quan hệ doanh nghiệp mẹ - con với nhau;

b) Đại lý chỉ thực hiện vận chuyển CTNH cho các chủ nguồn thải CTNH trong một khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

c) Đại lý chỉ thực hiện vận chuyển CTNH cho các chủ nguồn thải CTNH tại các tỉnh thuộc vùng sâu, vùng xa, miền núi hoặc vùng chưa có cơ sở xử lý CTNH được cấp Giấy phép QLCTNH hoặc tỉnh chưa có chủ hành nghề QLCTNH thực hiện vận chuyển CTNH.

2. 01 (một) đại lý vận chuyển CTNH chỉ được nhận uỷ quyền vận chuyển từ hai tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề hoặc chủ hành nghề QLCTNH trở lên trong trường hợp các chủ hành nghề QLCTNH hoặc tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề là thành viên trong cùng một tập đoàn, tổng công ty, nhóm doanh nghiệp có chung cổ đông sáng lập hoặc có quan hệ doanh nghiệp mẹ - con với nhau hoặc đại lý này chỉ có hoạt động vận chuyển trên biển.

3. Trường hợp đại lý vận chuyển CTNH là thành viên trong cùng một tập đoàn, tổng công ty, nhóm doanh nghiệp có chung cổ đông sáng lập hoặc có quan hệ doanh nghiệp mẹ - con với chủ QLCTNH hoặc tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề thì phải có văn bản uỷ quyền nội bộ; các trường hợp còn lại thì phải có hợp đồng đại lý dài hạn theo quy định.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI, CẤP, THU HỒI GIẤY PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

MỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Điều 15. Đăng ký chủ nguồn thải CTNH

1. Chủ nguồn thải CTNH lập 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (A và B) kèm theo Thông tư này và nộp trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu điện đến CQQLCNT để xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH. Chủ nguồn thải CTNH không phải đóng phí hoặc lệ phí khi đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Chủ nguồn thải CTNH được lập chung hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho các cơ sở phát sinh CTNH do mình sở hữu hoặc điều hành trong phạm vi một tỉnh.

Trường hợp cơ sở phát sinh CTNH dưới dạng nguồn thải di động hoặc nguồn thải có dạng tuyến trải dài trên phạm vi một tỉnh, chủ nguồn thải CTNH được lựa chọn một cơ sở đầu mối để đại diện lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, CQQLCNT xem xét tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo cho chủ nguồn thải CTNH để sửa đổi, bổ sung nếu chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Số lần thông báo không quá 02 (hai) lần, trừ những lần chủ nguồn thải không tiếp thu hoặc tiếp thu không đầy đủ yêu cầu của CQQLCNT.

3. Khi xác định hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, CQQLCNT không cần thông báo cho chủ nguồn thải CTNH và đương nhiên hồ sơ đăng ký được chấp nhận sau khi kết thúc thời hạn xem xét.

Điều 16. Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH

1. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc việc xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký, CQQLCNT có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (C) kèm theo Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp cần thiết đối với cơ sở phát sinh CTNH có công trình bảo vệ môi trường để tự xử lý CTNH phát sinh nội bộ nêu tại Điểm c Khoản 3 Điều 9 Thông tư này, CQQLCNT tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc việc xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký. Khoảng thời gian kiểm tra đối với một cơ sở phát sinh CTNH có công trình tự xử lý CTNH không quá 02 (hai) ngày.

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra cơ sở hoặc kể từ ngày chủ nguồn thải CTNH có báo cáo về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến (nếu có) của CQQLCNT sau khi kiểm tra cơ sở, CQQLCNT có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (C) kèm theo Thông tư này.

3. Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có giá trị sử dụng cho đến khi được cấp lại theo quy định tại Khoản 4 Điều này hoặc khi cơ sở chấm dứt hoạt động.

Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có 01 (một) mã số QLCTNH theo quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này. 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký được CQQLCNT đóng dấu xác nhận sau khi hoàn thiện là bộ phận không tách rời kèm theo 02 (hai) bản gốc Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (01 bộ trả trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu điện đến chủ nguồn thải CTNH và 01 bộ lưu tại CQQLCNT).

4. Chủ nguồn thải CTNH đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có một trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi, bổ sung về loại hoặc tăng từ 15% trở lên đối với số lượng CTNH đã đăng ký;
 - b) Thay đổi địa điểm cơ sở phát sinh CTNH trong phạm vi một tỉnh nhưng không thay đổi chủ nguồn thải CTNH hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở;
 - c) Bổ sung thêm cơ sở phát sinh CTNH hoặc giảm các cơ sở đã đăng ký;
 - d) Thay đổi, bổ sung công trình bảo vệ môi trường để tự xử lý CTNH phát sinh nội bộ;
 - đ) Phát hiện việc kê khai không chính xác khi đăng ký chủ nguồn thải CTNH so với thực tế hoạt động.
- Số thứ tự các lần cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải được tính lần lượt kể từ cấp lần đầu và các lần cấp lại tiếp theo.

MỤC 2 TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, THU HỒI GIẤY PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CÁC THỦ TỤC CỐ LIÊN QUAN

Điều 17. Đăng ký hành nghề QLCTNH

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề QLCTNH lập 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (A và B) kèm theo Thông tư này và nộp trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu điện đến CQCP có thẩm quyền theo quy định tại Điều 4 Thông tư này để xem xét, cấp lần đầu Giấy phép hành nghề QLCTNH. Tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề không phải nộp phí hoặc lệ phí khi đăng ký hành nghề QLCTNH.

2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH:

- a) Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH, CQCP xem xét tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề để sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ;
- b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu, CQCP xem xét tính đầy đủ, hợp lệ và yêu cầu tiếp tục sửa đổi, bổ sung nếu thấy cần thiết. Tổng số lần thông báo không quá 03 (ba) lần, trừ những lần tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề không tiếp thu hoặc tiếp thu không đầy đủ yêu cầu của CQCP;
- c) Khi xác định hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ thì CQCP không cần thông báo và đương nhiên hồ sơ đăng ký được chấp nhận sau khi kết thúc thời hạn xem xét;
- d) Trường hợp CQCP nhận được hồ sơ đăng ký được sửa đổi, bổ sung quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày có thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đối với hồ sơ đăng ký nộp lần gần nhất thì hồ sơ đăng ký này được xem xét lại từ đầu.

3. Vận hành thử nghiệm xử lý CTNH:

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề lập 02 (hai) bản kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (C) kèm theo Thông tư này và nộp cho CQCP cùng với hồ sơ đăng ký hành nghề hoặc thời điểm sau đó;

b) Thời hạn xem xét đối với kế hoạch vận hành thử nghiệm nộp lần đầu là 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc việc tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này (hoặc kể từ ngày nhận bản kế hoạch được nộp sau khi kết thúc việc tiếp nhận hồ sơ) và 05 (năm) ngày đối với kế hoạch được sửa đổi, bổ sung theo thông báo của CQCP. Số lần thông báo không quá 02 (hai) lần, trừ những lần tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề không tiếp thu hoặc tiếp thu không đầy đủ yêu cầu của CQCP;

c) Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc việc xem xét kế hoạch vận hành thử nghiệm, CQCP có văn bản chấp thuận kế hoạch vận hành thử nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (D) kèm theo Thông tư này. Văn bản này kèm theo 01 (một) bản kế hoạch vận hành thử nghiệm được CQCP đóng dấu xác nhận;

d) Sau khi có văn bản chấp thuận của CQCP, tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề tạm thời được phép vận chuyển và vận hành thử nghiệm xử lý CTNH. CQCP có thể đột xuất kiểm tra cơ sở và lấy mẫu giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm;

đ) Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề lập 02 (hai) bản báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (Đ) kèm theo Thông tư này và nộp cho CQCP để xem xét. Trường hợp báo cáo muộn hơn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận thì phải đăng ký vận hành thử nghiệm lại;

e) Trường hợp báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH có nội dung không đạt yêu cầu hoặc chưa hoàn thiện thì trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm, CQCP thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề để điều chỉnh, hoàn thiện.

Điều 18. Cấp Giấy phép hành nghề QLCTNH

1. Trường hợp CQCP là Tổng cục Môi trường, Tổng cục Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến tham khảo bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi có địa điểm cơ sở xử lý CTNH của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề về: Sự đồng thuận hoặc không đồng thuận đối với việc cấp Giấy phép hành nghề QLCTNH; lý do không đồng thuận hoặc các vấn đề cần lưu ý đối với việc xem xét, cấp Giấy phép hành nghề QLCTNH.

Văn bản lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường không được muộn hơn ngày có công văn chấp thuận kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 17 Thông tư này. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản không muộn hơn 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận văn bản của Tổng cục Môi trường.

2. Trong thời hạn 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đạt yêu cầu, CQCP có trách nhiệm đánh giá điều kiện hành nghề và cấp lần đầu Giấy phép hành nghề QLCTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (E) kèm theo Thông tư này.

Giấy phép hành nghề QLCTNH có thời hạn hiệu lực là 03 (ba) năm kể từ ngày cấp. Giấy phép hành nghề QLCTNH có 01 (một) mã số QLCTNH theo quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này. 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký được CQCP đóng dấu xác nhận sau khi hoàn thiện là bộ phận không tách rời kèm theo 02 (hai) bản gốc Giấy phép QLCTNH (01 bộ trả trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu điện đến chủ hành nghề QLCTNH và 01 bộ lưu tại CQCP).

3. Trường hợp cần thiết trong thời hạn 25 (hai mươi lăm) ngày đánh giá điều kiện hành nghề theo quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc sớm hơn, CQCP lựa chọn tiến hành các hoạt động hỗ trợ sau:

a) Thành lập Nhóm tư vấn kỹ thuật về việc cấp phép hành nghề QLCTNH với thành phần bao gồm các chuyên gia về môi trường, quản lý và xử lý chất thải. Nhóm tư vấn kỹ thuật có nhiệm vụ tư vấn giúp CQCP xem xét hồ sơ đăng ký, đánh giá điều kiện hành nghề, đánh giá công nghệ xử lý, kết quả vận hành thử nghiệm, việc thực hiện các nội dung báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM và các vấn đề có liên quan khác;

b) Kiểm tra cơ sở xử lý, đại lý vận chuyển CTNH với khoảng thời gian kiểm tra đối với từng cơ sở xử lý hoặc đại lý vận chuyển không quá 02 (hai) ngày, đồng thời kết hợp với hoạt động nêu tại Điểm c Khoản này;

c) Tổ chức họp Nhóm tư vấn kỹ thuật để thống nhất yêu cầu, kiến nghị về việc cấp Giấy phép QLCTNH với sự tham gia của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để trực tiếp thảo luận, làm rõ các vấn đề còn vướng mắc, chưa đạt yêu cầu (nếu có);

d) Lấy ý kiến tham vấn bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong trường hợp không thành lập Nhóm tư vấn kỹ thuật.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề chưa đáp ứng đủ các điều kiện hành nghề hoặc chưa thực hiện yêu cầu của Nhóm tư vấn kỹ thuật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, CQCP thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề để thực hiện.

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận báo cáo của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề về việc thực hiện yêu cầu tại thông báo của CQCP kèm theo hồ sơ đăng ký được sửa đổi, bổ sung phù hợp, CQCP xem xét, cấp Giấy phép hành nghề QLCTNH.

Điều 19. Cấp gia hạn Giấy phép hành nghề QLCTNH

1. Giấy phép hành nghề QLCTNH được cấp lại nhiều lần để gia hạn, mỗi lần gia hạn là 03 (ba) năm kể từ ngày hết hạn của Giấy phép hành nghề QLCTNH cấp lần đầu hoặc các lần tiếp theo. Việc đăng ký cấp gia hạn Giấy phép hành nghề QLCTNH phải bắt đầu được thực hiện chậm nhất là 03 (ba) tháng trước ngày hết hạn.

2. Trình tự, thủ tục lập và tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp gia hạn Giấy phép hành nghề QLCTNH được thực hiện tương tự như quy định tại Khoản 1, 2 Điều 17 Thông tư này.

3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc việc xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký, CQCP xem xét, cấp lại Giấy phép hành nghề QLCTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (E) kèm theo Thông tư này để thay thế Giấy phép hết hạn.

Mã số QLCTNH không thay đổi. Số thứ tự số lần cấp phép được tính lần lượt kể từ cấp lần đầu và các lần tiếp theo. 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký cấp gia hạn Giấy phép hành nghề QLCTNH được CQCP đóng dấu xác nhận sau khi hoàn thiện cùng với tất cả các bộ hồ sơ đăng ký kèm theo các Giấy phép cấp từ trước được giữ lại là bộ phận không tách rời kèm theo 02 (hai) bản gốc Giấy phép QLCTNH cấp gia hạn (01 bộ trả trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu điện đến chủ hành nghề QLCTNH và 01 bộ lưu tại CQCP).

4. Trường hợp cần thiết trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày xem xét, cấp gia hạn Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc sớm hơn, CQCP lựa chọn tiến hành các hoạt động hỗ trợ sau:

- a) Kiểm tra cơ sở xử lý, đại lý vận chuyển CTNH với khoảng thời gian kiểm tra đối với từng cơ sở xử lý hoặc đại lý vận chuyển không quá 02 (hai) ngày, đồng thời kết hợp với hoạt động nêu tại Điểm b Khoản này;
- b) Tổ chức họp với chủ hành nghề QLCTNH và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để trực tiếp thảo luận, làm rõ các vấn đề còn vướng mắc, chưa đạt yêu cầu (nếu có);
- c) Lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường (trường hợp CQCP là Tổng cục Môi trường), các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Trường hợp chủ hành nghề QLCTNH có vấn đề phát sinh dẫn đến việc không đáp ứng đủ các điều kiện hành nghề theo quy định tại Chương II hoặc chưa hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại Điều 26 Thông tư này hoặc chưa thực hiện yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình họp, lấy ý kiến theo quy định tại Khoản 4 Điều này, CQCP thông báo cho chủ hành nghề QLCTNH để thực hiện.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận báo cáo của chủ hành nghề QLCTNH về việc thực hiện yêu cầu tại thông báo của CQCP kèm theo bộ hồ sơ đăng ký được sửa đổi, bổ sung phù hợp, CQCP xem xét, cấp gia hạn Giấy phép QLCTNH.

Điều 20. Cấp điều chỉnh Giấy phép hành nghề QLCTNH

1. Giấy phép hành nghề QLCTNH phải cấp lại để điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi, bổ sung về loại hình, công nghệ, quy mô, công suất thiết kế, diện tích hoặc số lượng của các phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc hành nghề QLCTNH;
- b) Thay đổi, bổ sung về loại hoặc tăng số lượng CTNH được phép quản lý;
- c) Thay đổi, mở rộng địa bàn hoạt động (chỉ áp dụng cho trường hợp Giấy phép hành nghề QLCTNH có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên);
- d) Thay đổi chủ hành nghề QLCTNH mà không thay đổi địa điểm cơ sở xử lý CTNH hoặc thay đổi địa điểm cơ sở xử lý mà không thay đổi chủ hành nghề QLCTNH và tất cả các phương tiện, thiết bị chuyên dụng;
- đ) Bổ sung cơ sở xử lý CTNH;
- e) Thay đổi, bổ sung đại lý vận chuyển CTNH.

2. Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp điều chỉnh Giấy phép hành nghề QLCTNH được thực hiện tương tự như cấp lần đầu theo quy định tại Điều 17, 18 Thông tư này.

Khi hoàn thành thủ tục, CQCP cấp lại Giấy phép hành nghề QLCTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (E) kèm theo Thông tư này với thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày cấp điều chỉnh để thay thế Giấy phép trước đó.

Mã số QLCTNH được điều chỉnh trong trường hợp thay đổi, mở rộng địa bàn hoạt động theo quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này. Số thứ tự lần cấp phép được tính lần lượt kể từ cấp lần đầu và những lần tiếp theo.

02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép QLCTNH được CQCP đóng dấu xác nhận sau khi hoàn thiện cùng với tất cả các bộ hồ sơ đăng ký kèm theo các Giấy phép QLCTNH cấp từ trước được giữ lại là bộ phận không tách rời kèm theo 02 (hai) bản gốc Giấy phép QLCTNH cấp điều chỉnh (01 bộ trả trực tiếp hoặc chuyển qua đường bưu điện đến chủ hành nghề QLCTNH và 01 bộ lưu tại CQCP).

3. Việc vận hành thử nghiệm tương tự như quy định của Khoản 3 Điều 17 Thông tư này không yêu cầu thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Các trường hợp quy định tại Điểm c, d và e Khoản 1 Điều này;

b) Bổ sung phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc vận chuyển CTNH, kể cả phương tiện, thiết bị cho việc đóng gói, bảo quản, lưu giữ tạm thời, sơ chế CTNH;

c) Bổ sung loại CTNH có tính chất, phương án xử lý tương tự như các CTNH hoặc nhóm CTNH đã được vận hành thử nghiệm và cấp phép;

d) Tăng số lượng CTNH đã được vận hành thử nghiệm và cấp phép.

4. Trường hợp CQCP là Tổng cục Môi trường, Tổng cục Môi trường xem xét sự cần thiết của việc tham khảo ý kiến bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Giấy phép QLCTNH không được cấp điều chỉnh mà phải đăng ký lại để cấp lần đầu Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Điều 17, 18 Thông tư này trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này;

b) Giấy phép QLCTNH có địa bàn hoạt động trong một tỉnh do CQCP địa phương cấp chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH do Tổng cục Môi trường cấp để mở rộng địa bàn hoạt động;

c) Giấy phép QLCTNH có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên do Tổng cục Môi trường cấp chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH do CQCP địa phương cấp để thu hẹp địa bàn hoạt động về trong tỉnh;

Đối với thủ tục cấp lại Giấy phép QLCTNH, việc vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Thông tư này chỉ yêu cầu đối với các nội dung chưa được vận hành thử nghiệm và cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT hoặc Thông tư này.

Điều 21. Thủ tục xác nhận gia hạn Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT

1. Chậm nhất là 03 (ba) tháng trước ngày Giấy phép QLCTNH hết hạn, chủ vận chuyển, chủ xử lý CTNH nộp cho CQCP 01 (một) văn bản đề nghị xác nhận gia hạn Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT kèm theo: Bản gốc Giấy phép QLCTNH; 01 (một) báo cáo việc thực hiện các chương trình, kế hoạch trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép QLCTNH trong thời gian 01 (một) năm đến thời điểm có văn bản đề nghị xác nhận gia hạn.

2. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận văn bản đề nghị xác nhận gia hạn, CQCP xem xét, xác nhận vào phần Xác nhận gia hạn giấy phép của bản gốc Giấy phép QLCTNH. Thời hạn gia hạn không quá ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trường hợp Giấy phép QLCTNH do Cục Bảo vệ môi trường (trước đây) cấp thì Tổng cục Môi trường xác nhận thay.

3. Trường hợp cần thiết trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày xem xét, xác nhận gia hạn Giấy phép QLCTNH theo quy định tại Khoản 2 Điều này, CQCP lựa chọn tiến hành các hoạt động hỗ trợ sau:

a) Kiểm tra cơ sở với khoảng thời gian kiểm tra không quá 02 (hai) ngày, đồng thời kết hợp với hoạt động nêu tại Điểm b Khoản này;

b) Tổ chức họp với chủ vận chuyển, chủ xử lý CTNH và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để trực tiếp thảo luận, làm rõ các vấn đề còn vướng mắc, chưa đạt yêu cầu (nếu có);

c) Lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường (trường hợp CQCP là Tổng cục Môi trường), các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Trường hợp chủ vận chuyển, chủ xử lý CTNH có vấn đề phát sinh dẫn đến việc không đáp ứng điều kiện hành nghề, không hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 hoặc 28 Thông tư này hoặc chưa thực hiện yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, CQCP thông báo cho chủ vận chuyển, chủ xử lý CTNH để thực hiện. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận báo cáo của chủ vận chuyển, chủ xử lý CTNH về việc thực hiện yêu cầu tại thông báo của CQCP, CQCP xem xét, xác nhận gia hạn Giấy phép QLCTNH.

Điều 22. Thu hồi Giấy phép QLCTNH

1. Việc thu hồi Giấy phép QLCTNH được thực hiện khi có một trong các trường hợp sau:

a) Người có thẩm quyền quy định tại Điều 40, 41, 42 và 43 Nghị định số 117/2009/NĐ-CP của Chính phủ đề nghị CQCP bằng văn bản về việc thu hồi Giấy phép kèm theo những hồ sơ cụ thể làm căn cứ gồm có: Biên bản kiểm tra, thanh tra hoặc điều tra; kết luận kiểm tra, thanh tra hoặc điều tra; quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, hoặc hồ sơ truy tố, bản án;

b) Chủ hành nghề QLCTNH không hoạt động sau 01 (một) năm kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy phép hành nghề QLCTNH;

c) Chủ vận chuyển CTNH bị chấm dứt tất cả các hợp đồng với các chủ xử lý CTNH, chủ hành nghề QLCTNH về việc tiếp nhận xử lý CTNH mà trong vòng 01 (một) tháng không ký được hợp đồng mới hoặc không báo cáo CQCP, trừ trường hợp chủ vận chuyển CTNH đồng thời là chủ xử lý CTNH được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT;

d) Chủ vận chuyển CTNH không đáp ứng được các điều kiện hành nghề có lộ trình áp dụng theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 11 Thông tư này hoặc không có văn bản thông báo cho CQCP về việc đáp ứng sau 02 (hai) tháng kể từ ngày phải áp dụng các điều kiện;

đ) Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT phải thu hồi sau khi chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này hoặc kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trong trường hợp chưa chuyển đổi;

e) Chủ hành nghề QLCTNH, chủ vận chuyển, chủ xử lý CTNH chấm dứt hoạt động QLCTNH;

g) CQCP địa phương thu hồi Giấy phép QLCTNH có địa bàn hoạt động trong tỉnh đối với tổ chức, cá nhân sau khi được Tổng cục Môi trường cấp Giấy phép QLCTNH để mở rộng địa bàn hoạt động theo quy định tại Thông tư này hoặc theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT;

h) Tổng cục Môi trường thu hồi Giấy phép QLCTNH có địa bàn hoạt động từ hai tỉnh trở lên đối với chủ hành nghề QLCTNH sau khi được CQCP địa phương cấp Giấy phép QLCTNH để thu hẹp địa bàn hoạt động về trong tỉnh theo quy định tại Thông tư này.

2. CQCP ban hành quyết định thu hồi Giấy phép QLCTNH, nêu rõ căn cứ, lý do thu hồi, mã số QLCTNH, ngày cấp, tên tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy phép.

3. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy phép QLCTNH có trách nhiệm thông báo và chấm dứt hợp đồng về QLCTNH với các khách hàng, đối tác đã có.

Điều 23. Kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý CTNH do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt

1. Trường hợp CQCP là Tổng cục Môi trường:

a) Thủ tục đề nghị, kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM (kể cả việc thực hiện và vận hành thử nghiệm các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường) không phải thực hiện riêng mà được lồng ghép thành một nội dung của thủ tục đăng ký, cấp Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này;

b) Giấy phép hành nghề QLCTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (E) kèm theo Thông tư này có nội dung xác nhận về việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM (kể cả việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường), không sử dụng mẫu Giấy xác nhận riêng theo quy định;

c) Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu huỷ CTNH đã được Tổng cục Môi trường cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT tương đương với Giấy xác nhận về việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

2. Trường hợp CQCP địa phương:

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề QLCTNH đồng thời lập hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH tại CQCP địa phương và hồ sơ đề nghị Tổng cục Môi trường xác nhận về việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM (kể cả việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường) theo quy định;

b) Tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề QLCTNH kết hợp thực hiện việc vận hành thử nghiệm các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất tại báo cáo ĐTM trong quá trình vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Thông tư này;

c) CQCP địa phương và Tổng cục Môi trường có trách nhiệm đồng thời phối hợp thực hiện hai thủ tục nêu tại Khoản này và ban hành riêng Giấy phép hành nghề QLCTNH, Giấy xác nhận về việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM theo thẩm quyền.

Điều 24. Các vấn đề khác

1. Báo cáo và xác nhận việc đáp ứng các điều kiện hành nghề:

a) Khi đáp ứng các điều kiện hành nghề có lộ trình thực hiện theo quy định tại Điểm b, c và d Khoản 2 Điều 9 Thông tư này, chủ hành nghề QLCTNH, chủ vận chuyển hoặc chủ xử lý CTNH phải báo cáo cho CQCP trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày phải áp dụng các điều kiện;

b) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận báo cáo, CQCP xem xét và có văn bản xác nhận việc đáp ứng các điều kiện. Thời hạn CQCP có văn bản xác nhận được tính thêm 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ vận chuyển về việc tiếp thu đầy đủ các ý kiến (nếu có) của CQCP trong quá trình xem xét;

c) Trường hợp cần thiết, CQCP tiến hành kiểm tra cơ sở và các phương tiện, thiết bị chuyên dụng với khoảng thời gian không quá 02 (hai) ngày trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày quy định tại Điểm b Khoản này.

2. CQCP có văn bản thông báo về việc thay đổi hoặc yêu cầu tạm ngừng một số nội dung hoạt động đối với chủ hành nghề QLCTNH, chủ vận chuyển hoặc chủ xử lý CTNH trong các trường hợp sau:

a) Có sự thay đổi nội dung, chấm dứt hoặc hết thời hạn mà không có báo cáo về việc gia hạn đối với hợp đồng đại lý, hợp đồng bàn giao phương tiện không chính chủ;

b) Căn cứ vào thực tế hoạt động phản ánh tại báo cáo QLCTNH định kỳ hoặc kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, hồ sơ truy tố, bản án của các cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV:

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 25. Trách nhiệm của chủ nguồn thải CTNH

1. Thực hiện thủ tục đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo quy định tại Điều 15 Thông tư này khi bắt đầu hoạt động hoặc bắt đầu có các CTNH phát sinh thường xuyên hàng năm và tồn lưu (nếu có).

Trong thời gian từ khi nộp hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho đến khi được cấp Sổ đăng ký, chủ nguồn thải CTNH được coi là đã thực hiện trách nhiệm đăng ký về việc phát sinh CTNH với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 70 Luật Bảo vệ môi trường.

Việc lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH không bắt buộc đối với các chủ nguồn thải CTNH không tự xử lý CTNH phát sinh nội bộ thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Các chủ nguồn thải CTNH có thời gian hoạt động dưới 01 (một) năm;

b) Các chủ nguồn thải CTNH phát sinh thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng không quá 120 (một trăm hai mươi) kg/năm đối với các CTNH có chứa các thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT hoặc 600 (sáu trăm) kg/năm đối với CTNH có chứa các thành phần nguy hại khác, trừ trường hợp CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ thì không được miễn áp dụng trách nhiệm này.

2. Sao gửi Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho UBND cấp huyện và UBND cấp xã nơi có địa điểm cơ sở phát sinh CTNH.

3. Áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu phát sinh CTNH và phòng ngừa, ứng phó sự cố do CTNH; tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định số lượng CTNH phải đăng ký và quản lý; chịu trách nhiệm đối với CTNH cho đến khi CTNH được xử lý an toàn, triệt để.

4. Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tương tự như quy định từ Điểm 3.1 đến 3.6 Phụ lục 7 và đóng gói, bảo quản CTNH trong các bao bì chuyên dụng hoặc thiết bị lưu chứa CTNH đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tương tự như quy định tại Mục 1, 2 Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này.

5. CTNH phải được nhanh chóng đưa đi xử lý. Trường hợp cần lưu giữ tạm thời CTNH quá thời hạn 06 (sáu) tháng do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi, chưa tìm được chủ hành nghề QLCTNH phù hợp hoặc số lượng CTNH phát sinh quá thấp, chủ nguồn thải CTNH có trách nhiệm thông báo với CQQLCNT để biết bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo QLCTNH.

6. Phân công ít nhất một cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân định, phân loại và quản lý CTNH; được sử dụng dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài (nếu cần thiết).

7. Trường hợp không có công trình bảo vệ môi trường để tự xử lý CTNH, chủ nguồn thải CTNH có trách nhiệm ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép QLCTNH có địa bàn hoạt động và danh sách CTNH được phép quản lý phù hợp.

Trường hợp có mục đích tái sử dụng trực tiếp thì chỉ được ký hợp đồng với các chủ hành nghề QLCTNH, không được ký với các chủ vận chuyển CTNH được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.

Trường hợp chủ vận chuyển CTNH được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT tham gia vận chuyển CTNH không có mục đích tái sử dụng trực tiếp, hợp đồng phải ký ba bên giữa chủ nguồn thải CTNH, chủ vận chuyển CTNH và chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ xử lý CTNH hoặc hợp đồng ký giữa chủ nguồn thải CTNH và chủ vận chuyển CTNH phải có sự chứng kiến, xác nhận của chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ xử lý CTNH trên hợp đồng.

8. Thực hiện đúng quy trình kê khai và sử dụng Chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này, trừ trường hợp tự xử lý CTNH nêu tại Điểm c Khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

Chủ nguồn thải CTNH phải thống nhất với các tổ chức, cá nhân có liên quan để khai đầy đủ vào Chứng từ CTNH theo đúng nội dung hợp đồng chuyển giao CTNH và các quy định trong Giấy phép QLCTNH của tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH.

9. Theo dõi, giám sát việc chuyển giao và xử lý CTNH căn cứ vào nội dung hợp đồng và Chứng từ CTNH; lập sổ giao nhận CTNH để theo dõi loại, số lượng, mã CTNH, thời gian, đơn vị tiếp nhận và xử lý CTNH của mình. Trường hợp cần thiết, chủ nguồn thải CTNH cử cán bộ trực tiếp tham gia giám sát quá trình vận chuyển, xử lý CTNH của tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH.

Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của Chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH phải có trách nhiệm kiểm tra, đơn đốc hoặc báo cáo với CQQLCNT để có biện pháp kiểm tra, xử lý.

10. Khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH có trách nhiệm tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng (sau đây gọi tắt là Công ước Basel) theo quy định tại Phụ lục 5 (A) kèm theo Thông tư này.

11. Lập báo cáo QLCTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (A) kèm theo Thông tư này với kỳ báo cáo 6 (sáu) tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 và từ ngày 01 tháng 7 đến 31 tháng 12 hàng năm và nộp trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày cuối của kỳ báo cáo, trừ các trường hợp sau:

a) Chủ nguồn thải CTNH nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này được sử dụng kỳ báo cáo 01 (một) năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm và nộp trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày cuối của kỳ báo cáo;

b) Chủ nguồn thải CTNH nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều này chỉ báo cáo một lần trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày chấm dứt hoạt động.

Ngoài ra, chủ nguồn thải CTNH phải lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với các chủ nguồn thải CTNH nêu tại Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này, việc nộp báo cáo QLCTNH được coi là hoàn thành trách nhiệm đăng ký phát sinh CTNH với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 70 Luật Bảo vệ môi trường.

12. Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên Chứng từ CTNH đã sử dụng, các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

13. Áp dụng đồng thời việc kê khai Chứng từ CTNH và báo cáo QLCTNH trực tuyến trên hệ thống thông tin hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Khuyến khích chủ nguồn thải CTNH tự đăng ký áp dụng khi chưa có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

14. Trường hợp phát sinh đột xuất (không thường xuyên hàng năm) với số lượng một lần lớn hơn 10 (mười) kg đối với các CTNH có chứa các thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT hoặc 50 (năm mươi) kg đối với CTNH có chứa các thành phần nguy hại khác, hoặc số lượng bất kỳ đối với CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ (POP) thì phải báo cáo cho CQQLCNT trong vòng 01 (một) tháng kể từ ngày phát sinh không chủ định (như CTNH phát sinh do sự cố) hoặc chậm nhất là 01 (một) tháng trước ngày phát sinh có chủ định (như CTNH phát sinh từ việc xây dựng, phá dỡ, sửa chữa, cải tạo cơ sở). Báo cáo có đầy đủ thông tin về tên, mã CTNH, số lượng, thời gian, lý do phát sinh đột xuất.

18. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (nếu có) cho CQQLCNT.

Điều 26. Trách nhiệm chủ hành nghề QLCTNH

1. Chỉ được phép bắt đầu hoạt động sau khi được cấp Giấy phép QLCTNH.

2. Sao gửi Giấy phép QLCTNH cấp lần đầu, cấp gia hạn và cấp điều chỉnh cho UBND cấp huyện và UBND cấp xã nơi có địa điểm cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH.

3. Thông báo cho CQCP để thu hồi Giấy phép QLCTNH cũ trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày chuyển đổi Giấy phép QLCTNH mà có sự thay đổi CQCP liên quan đến thay đổi địa bàn hoạt động theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Thông tư này.

4. Thực hiện đúng quy trình kê khai và sử dụng Chứng từ CTNH theo quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.

5. Chỉ được phép ký hợp đồng vận chuyển, xử lý CTNH với các chủ nguồn thải CTNH trên địa bàn hoạt động được phép ghi trong Giấy phép QLCTNH; chỉ tiếp nhận vận chuyển, xử lý số lượng, loại CTNH bằng các phương tiện, thiết bị chuyên dụng được phép theo đúng nội dung hợp đồng, Chứng từ CTNH và Giấy phép QLCTNH.

6. Vận chuyển CTNH theo lộ trình tối ưu về tuyến đường, quãng đường, thời gian, bảo đảm an toàn giao thông và phòng ngừa, ứng phó sự cố, phù hợp với quy định của cơ quan có thẩm quyền về phân luồng giao thông.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động và nhân sự của phương tiện vận chuyển không chính chủ trong quá trình vận chuyển CTNH. Chủ hành nghề QLCTNH báo cáo cho CQCP về việc thay đổi nội dung, gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng bàn giao phương tiện vận chuyển không chính chủ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thực hiện việc thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải CTNH đối với CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động mà không có khả năng xử lý. Trường hợp xử lý được hoàn toàn các CTNH, chủ hành nghề QLCTNH không phải thực hiện trách nhiệm đối với chủ nguồn thải CTNH.

9. Có trách nhiệm chính trong việc lựa chọn chủ tái sử dụng CTNH, giám sát để bảo đảm chủ tái sử dụng CTNH thực hiện đúng việc tái sử dụng trực tiếp và xác nhận vào Chứng từ CTNH cũng như hỗ trợ việc gửi trả các liên Chứng từ CTNH cho chủ nguồn thải CTNH.

Trong báo cáo QLCTNH định kỳ theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (B) kèm theo Thông tư này, chủ hành nghề QLCTNH phải báo cáo đầy đủ phương thức, tình trạng của toàn bộ các hoạt động tái sử dụng trực tiếp CTNH do mình vận chuyển trong thời gian 03 (ba) năm cho đến thời điểm báo cáo.

Nếu phát hiện chủ tái sử dụng CTNH không thực hiện đúng các trách nhiệm quy định tại Điều 29 Thông tư này, chủ hành nghề QLCTNH có trách nhiệm báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý.

10. Khi tham gia vận chuyển trong nội địa đối với CTNH vận chuyển xuyên biên giới, chủ hành nghề QLCTNH có trách nhiệm phối hợp với chủ nguồn thải CTNH hoặc nhà xuất khẩu đại diện cho chủ nguồn thải CTNH để tuân thủ các quy định của Công ước Basel theo quy định tại Phụ lục 5 (A) kèm theo Thông tư này.

11. Trường hợp đột xuất có nhu cầu thuê phương tiện đường biển hoặc đường sắt, phải phối hợp với bên cho thuê phương tiện xây dựng phương án đóng gói, bảo quản CTNH phù hợp, bảo đảm vận chuyển an toàn để trình CQCP hướng dẫn và chấp thuận bằng văn bản.

12. Lập các loại báo cáo sau:

a) Báo cáo QLCTNH với kỳ báo cáo 06 (sáu) tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 và từ ngày 01 tháng 7 đến 31 tháng 12 hàng năm theo quy định tại Phụ lục 4 (B) kèm theo Thông tư này và nộp trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày cuối của kỳ báo cáo;

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Báo cáo CQCP về các thay đổi đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự chủ chốt hoặc các chương trình, kế hoạch trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép QLCTNH so với khi được cấp phép.

13. Lập sổ giao nhận CTNH để theo dõi tên, số lượng, mã CTNH, thời gian, đơn vị chuyển giao hoặc tiếp nhận CTNH với đại lý vận chuyển hoặc cơ sở xử lý CTNH của mình, đảm bảo khớp với Chứng từ CTNH; nhật ký vận hành các phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc QLCTNH; sổ theo dõi số lượng, chất lượng, nguồn tiêu thụ của các sản phẩm tái chế hoặc thu hồi từ CTNH; hồ sơ trực tuyến theo dõi hành trình phương tiện vận chuyển bằng GPS (nếu có) và cung cấp quyền truy cập cho CQCP; cơ sở dữ liệu quan trắc tự động liên tục (nếu có).

14. Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên Chứng từ CTNH đã sử dụng, các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

15. Thực hiện đầy đủ các nội dung của các bộ hồ sơ đăng ký được CQCP đóng dấu xác nhận kèm theo Giấy phép QLCTNH cấp lần đầu, cấp gia hạn và cấp điều chỉnh (nếu có), đặc biệt là kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ; kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH; kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.

16. Giám sát hoạt động của các đại lý vận chuyển CTNH và chịu trách nhiệm chung đối với các vi phạm về bảo vệ môi trường và QLCTNH của các đại lý. Phải báo cáo cho CQCP về việc thay đổi nội dung, gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng đại lý trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thực hiện việc thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt.

17. Chỉ được phép ký hợp đồng để tiếp nhận xử lý CTNH từ không quá 05 (năm) chủ vận chuyển CTNH được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT trừ các trường hợp sau:

a) Chủ vận chuyển CTNH đồng thời là chủ xử lý CTNH;

b) Chủ vận chuyển CTNH là thành viên cùng trong một tập đoàn, tổng công ty, nhóm doanh nghiệp có chung cổ đông sáng lập hoặc có quan hệ doanh nghiệp mẹ - con với mình;

c) Chủ vận chuyển CTNH chỉ hoạt động ngoài biển.

Chủ hành nghề QLCTNH phải báo cáo cho CQCP về việc thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt các hợp đồng với các chủ vận chuyển CTNH trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thực hiện việc thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt.

18. Thông báo bằng văn bản cho chủ nguồn thải CTNH trong trường hợp có lý do phải lưu giữ tạm thời CTNH mà chưa đưa vào xử lý sau 03 (ba) tháng nhưng không được quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày thực hiện chuyển giao ghi trên Chứng từ CTNH.

19. Khi có nhu cầu chỉ thực hiện việc vận chuyển CTNH và chuyển giao trách nhiệm xử lý cho chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ xử lý CTNH khác thì phải đề nghị bằng văn bản kèm theo hợp đồng để CQCP xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Việc chuyển giao một lô CTNH chỉ được thực hiện giữa không quá 02 (hai) chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ xử lý CTNH.

Chủ hành nghề QLCTNH phải có văn bản đề nghị hoặc thông báo để CQCP xem xét, chấp thuận khi có sự chấm dứt, thay đổi, bổ sung hoặc gia hạn hợp đồng.

20. Áp dụng đồng thời việc kê khai Chứng từ CTNH và báo cáo QLCTNH trực tuyến trên hệ thống thông tin hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Khuyến khích chủ hành nghề QLCTNH tự đăng ký áp dụng khi chưa có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

21. Đạt chứng chỉ Hệ thống quản lý môi trường - ISO 14001 hoặc tương đương phù hợp với hoạt động của cơ sở xử lý CTNH trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép QLCTNH lần đầu tiên và chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 9001 hoặc tương đương phù hợp với hoạt động của đại lý vận chuyển CTNH trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày đại lý vận chuyển được đưa vào Giấy phép.

22. Khi chấm dứt hoạt động, phải thực hiện kế hoạch về xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động, thông báo bằng văn bản để CQCP thu hồi Giấy phép QLCTNH.

Điều 27. Trách nhiệm của chủ vận chuyển CTNH đã được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT

1. Chỉ được phép sử dụng Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT để hoạt động đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 nếu không chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này.
2. Sao gửi Giấy phép QLCTNH được xác nhận gia hạn theo quy định tại Điều 21 Thông tư này cho UBND cấp huyện và UBND cấp xã nơi có địa điểm cơ sở.
3. Trường hợp đồng thời có Giấy phép QLCTNH do Tổng cục Môi trường và CQCP địa phương cấp phải thông báo bằng văn bản cho CQCP cấp Giấy phép có ngày cấp sớm hơn để thu hồi Giấy phép này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực hoặc kể từ ngày được cấp Giấy phép mới.
4. Ký hợp đồng ba bên với chủ nguồn thải CTNH, chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ xử lý CTNH được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT về việc chuyển giao CTNH hoặc ký hợp đồng với chủ nguồn thải với sự chứng kiến, xác nhận của chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ xử lý CTNH trên hợp đồng, trừ trường hợp chủ vận chuyển đồng thời là chủ xử lý CTNH hoặc trường hợp không có chủ nguồn thải cụ thể hay không xác định được chủ nguồn thải.
5. Phải đáp ứng điều kiện hành nghề QLCTNH theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 9 và báo cáo về việc đáp ứng cho CQCP chậm nhất là 02 (hai) tháng kể từ ngày phải áp dụng các điều kiện này.
6. Đạt chứng chỉ Hệ thống quản lý môi trường - ISO 14001 hoặc Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương phù hợp với việc vận chuyển CTNH trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực kể cả sau khi chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này.
7. Khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung chủ hành nghề QLCTNH hoặc chủ xử lý CTNH tiếp nhận xử lý CTNH thì phải đề nghị bằng văn bản kèm theo hợp đồng để CQCP xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Chủ vận chuyển CTNH phải có văn bản đề nghị hoặc thông báo để CQCP xem xét, chấp thuận khi có sự chấm dứt, thay đổi, bổ sung hoặc gia hạn hợp đồng.
8. Thực hiện các trách nhiệm có liên quan tương tự như quy định tại Khoản 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 18, 20 và 22 Điều 26 Thông tư này.

Điều 28. Trách nhiệm của chủ xử lý CTNH đã được cấp phép theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT

1. Chỉ được phép sử dụng Giấy phép QLCTNH cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT để hoạt động đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 nếu không chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này.
2. Sao gửi Giấy phép QLCTNH được xác nhận gia hạn theo quy định tại Điều 21 Thông tư này cho UBND cấp huyện và UBND cấp xã nơi có địa điểm cơ sở.
3. Trường hợp đồng thời có Giấy phép QLCTNH do Tổng cục Môi trường và CQCP địa phương cấp phải thông báo bằng văn bản cho CQCP cấp Giấy phép có ngày cấp sớm hơn để thu hồi Giấy phép này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực hoặc kể từ ngày được cấp Giấy phép mới.
4. Phải đáp ứng điều kiện hành nghề QLCTNH theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 9 và báo cáo về việc đáp ứng cho CQCP chậm nhất là 02 (hai) tháng kể từ ngày phải áp dụng các điều kiện này.
5. Đạt chứng chỉ Hệ thống quản lý môi trường - ISO 14001 hoặc tương đương phù hợp với việc xử lý CTNH trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, kể cả sau khi chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư này.
6. Thực hiện các trách nhiệm có liên quan tương tự như quy định tại Khoản 4, 5, 8, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 20 và 22 Điều 26 Thông tư này.

Điều 29. Trách nhiệm của chủ tái sử dụng CTNH

1. Chỉ được phép tiếp nhận CTNH để tái sử dụng trực tiếp từ các chủ hành nghề QLCTNH có Giấy phép QLCTNH phù hợp.
2. Chỉ được phép tái sử dụng trực tiếp CTNH theo đúng mục đích ban đầu của phương tiện, thiết bị, sản phẩm, vật liệu, hoá chất là nguồn gốc phát sinh CTNH này, cấm sử dụng cho mục đích khác hoặc chuyển giao lại cho một tổ chức, cá nhân khác mà không tái sử dụng trực tiếp.
3. Thực hiện đúng quy trình kê khai và sử dụng Chứng từ CTNH theo quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.
4. Trường hợp tổng số lượng CTNH tái sử dụng trực tiếp lớn hơn hoặc bằng 120 (một trăm hai mươi) kg/năm thì phải có văn bản giải trình gửi Chi cục Bảo vệ môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi

trường tại địa phương chưa thành lập Chi cục Bảo vệ môi trường và chỉ được bắt đầu triển khai nếu không có ý kiến phản đối (nêu rõ lý do) trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày cơ quan này nhận văn bản giải trình; định kỳ hàng năm báo cáo Chi cục Bảo vệ môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương về tình trạng tái sử dụng trực tiếp cho đến khi kết thúc trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

5. Phối hợp, cung cấp thông tin để chủ hành nghề QLCTNH báo cáo về phương án, tình trạng tái sử dụng trực tiếp CTNH trong báo cáo QLCTNH định kỳ.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải CTNH đối với các CTNH sau khi kết thúc tái sử dụng trực tiếp và các CTNH khác phát sinh từ quá trình tái sử dụng trực tiếp theo quy định tại Điều 25 Thông tư này trừ trường hợp CTNH được tái sử dụng trực tiếp cho mục đích sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân thì tuân thủ các quy định về quản lý chất thải sinh hoạt.

Chương V:

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

Điều 30. Trách nhiệm của Tổng cục Môi trường

1. Quản lý hoạt động và các hồ sơ, hợp đồng, báo cáo, chứng từ liên quan đến các tổ chức, cá nhân có Giấy phép QLCTNH do mình cấp.

2. Sao gửi Giấy phép QLCTNH hoặc Quyết định thu hồi Giấy phép QLCTNH do mình ban hành cho UBND cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có địa điểm cơ sở được cấp phép và công khai thông tin trên website.

3. Tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với tổ chức, cá nhân trong quá trình xem xét hồ sơ, vận hành thử nghiệm, đánh giá điều kiện hành nghề và các hoạt động khác đối với thủ tục liên quan đến Giấy phép QLCTNH để rút ngắn thời gian, giảm thiểu văn bản giấy.

4. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về CTNH; tổ chức, hướng dẫn việc triển khai đăng ký, kê khai Chứng từ CTNH, báo cáo QLCTNH trực tuyến để từng bước thay thế văn bản giấy.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp

1. Quản lý hoạt động và các hồ sơ, hợp đồng, báo cáo, chứng từ liên quan đến các tổ chức, cá nhân có Giấy phép QLCTNH do mình cấp.

2. Sao gửi Giấy phép QLCTNH hoặc Quyết định thu hồi Giấy phép QLCTNH do mình cấp cho Tổng cục Môi trường và UBND cấp huyện nơi có địa điểm cơ sở được cấp phép và công khai thông tin trên website (nếu có).

3. Tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với tổ chức, cá nhân trong quá trình xem xét hồ sơ, vận hành thử nghiệm, đánh giá điều kiện hành nghề và các hoạt động khác đối với thủ tục liên quan đến Giấy phép QLCTNH để rút ngắn thời gian, giảm thiểu văn bản giấy.

4. Trường hợp sát nhập địa bàn giữa các tỉnh, UBND của tỉnh tiếp nhận các địa bàn sát nhập hướng dẫn về việc cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải và mã số QLCTNH cho phù hợp.

Điều 32. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Chi cục Bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường phân cấp

1. Công khai thông tin về Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH do mình cấp trên website (nếu có); quản lý hoạt động và các hồ sơ, báo cáo, hợp đồng, chứng từ của các chủ nguồn thải CTNH (kể cả chủ nguồn thải không có Sổ đăng ký) trong phạm vi địa phương mình.

2. Tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với chủ nguồn thải CTNH trong quá trình xem xét hồ sơ và các hoạt động khác đối với thủ tục liên quan đến Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH để rút ngắn thời gian, giảm thiểu văn bản giấy.

3. Báo cáo UBND cấp tỉnh và Tổng cục Môi trường theo quy định tại Phụ lục 4 (C) kèm theo Thông tư này (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm) trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày cuối của kỳ báo cáo tương ứng.

4. Phối hợp xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về CTNH và triển khai đăng ký chủ nguồn thải, kê khai Chứng từ CTNH, báo cáo QLCTNH trực tuyến tại địa phương mình để từng bước thay thế văn bản giấy.

5. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường, xác nhận việc chuyển giao CTNH của chủ nguồn thải với chủ hành nghề QLCTNH thể hiện trên Chứng từ CTNH được thực hiện bằng hợp đồng và đúng theo hợp đồng trên cơ sở báo cáo QLCTNH của chủ nguồn thải theo quy định tại Phụ lục 4 (A) kèm theo Thông tư này.

Việc xác nhận nêu tại Khoản này được thực hiện một năm một lần trong báo cáo QLCTNH của Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc Chi cục Bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường phân cấp) theo quy định tại Phụ lục 4 (C) kèm theo Thông tư này, không thực hiện đối với từng hợp đồng riêng lẻ hoặc từng chủ nguồn thải CTNH.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.
2. Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011. Thông tư này thay thế Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục chất thải nguy hại.
2. Hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép QLCTNH tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực được xem xét, tiến hành thủ tục theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT với thời hạn thực hiện đến ngày 31 tháng 8 năm 2011.
- Sau ngày 31 tháng 8 năm 2011, hồ sơ đăng ký tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực không còn giá trị xem xét nếu chưa hoàn thành thủ tục theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.
3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Phạm Khôi Nguyên;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ/thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VP Chính phủ);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Website và các đơn vị thuộc Bộ TN&MT;
- Lưu VT, PC, VP, TCMT, QLCT&CTMT (250).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Cách Tuyến

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Phụ lục